TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **204**/2023/HN-ST
Ngày: 27/04/2023
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Văn Ba**
+ Ông **Lê Anh Chiến**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:*** Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân –** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 78/2023/TLST-HN ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Mỹ T -** sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện G, Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Hoàng H -** sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ T trình bày: chị và anh H sống chung năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, tính tình không hợp nhau, không thể nào hàn gắn tình cảm và hôn nhân dần mất đi hạnh phúc. Chị và anh H ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Phi M, sinh ngày 22/11/2018 hiện đang sống với anh H, ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi 02 con, không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H trình bày: anh và chị T sống chung năm 2013, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, sau này chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên mới yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T vì còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: có hai cháu tên Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Phi M, sinh ngày 22/11/2018. Nếu ly hôn anh đồng ý nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trừ bị đơn không chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Phi M, sinh ngày 22/11/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Phạm Thị Mỹ T và anh Nguyễn Hoàng H sống chung năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H và anh H hiện cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: chị T yêu cầu ly hôn với anh H. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, tiền bạc, tính tình không hợp nhau, không thể nào hàn gắn tình cảm và hôn nhân dần mất đi hạnh phúc. Anh H không đồng ý ly hôn vì chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên mới yêu cầu ly hôn với anh và hiện tại anh vẫn còn thương vợ, thương con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện chị T và anh H đã ly thân, không còn sống chung từ tháng 07/2022 đến nay. Anh H trình bày còn

thương vợ nhưng trong suốt thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau, điều này chứng tỏ anh chị không còn thiết tha gì đến tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T, anh H không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Phi M, sinh ngày 22/11/2018 hiện đang sống với anh H. Ly hôn , chị T đồng ý để anh H nuôi hai con. Xét thấy cháu Thùy N và cháu Phi M hiện đang sống ổn định với anh H và anh H cũng có yêu cầu nuôi hai con khi ly hôn. Do đó, để đảm bảo cho hai cháu có cuộc sống tốt, phát triển về thể chất lẫn tâm sinh lý nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Thùy N và cháu Phi M cho anh H chăm sóc và nuôi dưỡng.

[3.3] Về vấn đề cấp dưỡng: anh H không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.4] Về tài sản chung: anh H, chị T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung, nợ riêng: anh H, chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ T.

- Về tình cảm: Chị Phạm Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Phi M, sinh ngày 22/11/2018 cho anh Nguyễn Hoàng H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về án phí: chị Phạm Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai số 0025617 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Thị Cẩm Tiên